

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MAI
PHU'ON
G ANH

Digitally signed by MAI PHU'ONG
ANH
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận
Cầu Giấy, OU=CÔNG TY CỔ
PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ
VISICONS, T=KẾ TOÁN
TRƯỞNG, CN=MAI PHU'ONG
ANH,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
CMND:001177024813
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2025.03.27 18:50:38+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2024.4.0

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 39

08
: ÔI
H N
: ST
/ IE
- T/

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons (“Công ty”), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng số 6, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam, được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 890/QĐ-BXD được ban hành bởi Bộ Xây dựng ngày 30 tháng 6 năm 2000. Công ty nay là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100105503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2000 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 được cấp ngày 23 tháng 8 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 28 tháng 1 năm 2008 theo Quyết định số 23/QĐ-TTGDHN ngày 18 tháng 1 năm 2008 về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VC6.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; và
- ▶ Đầu tư, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 5, tòa nhà 29T2, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có một văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 0100105503-002 được cấp ngày 9 tháng 10 năm 2019 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Văn Khánh	Chủ tịch	
Ông Hoàng Hoa Cương	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	
Ông Nguyễn Phấn Tuấn	Thành viên	
Ông Otani Shingo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Toda Koji	Thành viên	miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Thanh Huân	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Nguyễn Kiến Trung	Thành viên	
Bà Fujikawa Marika	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Tuấn Khanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Hoa Cương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phan Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Kiến Trung	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hoàng Hoa Cương, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 27 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Hoàng Hoa Cường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12315205/68519111-YE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons ("Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thái Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0402-2023-004-1

Nguyễn Ngọc Khoa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3298-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		900.377.012.934	774.035.301.509
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	126.459.047.614	125.323.875.507
111	1. Tiền		96.459.047.614	105.323.875.507
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	20.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		20.090.000.000	15.090.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	20.090.000.000	15.090.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		292.918.092.394	391.036.437.630
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	213.468.258.917	259.546.544.915
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	95.773.481.916	128.855.450.010
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	18.366.296.697	12.558.138.929
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(34.689.945.136)	(9.923.696.224)
140	IV. Hàng tồn kho	9	417.564.840.236	199.977.851.480
141	1. Hàng tồn kho		422.923.544.139	199.977.851.480
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.358.703.903)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		43.345.032.690	42.607.136.892
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		211.953.734	149.971.651
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		43.133.078.956	42.457.165.241
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		93.108.192.093	86.580.070.658
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		500.000.000	-
216	1. Phải thu dài hạn khác		500.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		39.087.473.365	38.611.514.786
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	39.087.473.365	38.611.514.786
222	Nguyên giá		67.833.218.428	65.266.125.334
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(28.745.745.063)	(26.654.610.548)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		300.000.000	300.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(300.000.000)	(300.000.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	18.482.745.232	18.403.491.151
231	1. Nguyên giá		20.555.073.347	20.340.939.678
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(2.072.328.115)	(1.937.448.527)
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	19.500.000.000	20.177.320.652
251	1. Đầu tư vào công ty con		19.500.000.000	19.500.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.400.000.000	1.400.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.400.000.000)	(722.679.348)
260	V. Tài sản dài hạn khác		15.537.973.496	9.387.744.069
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	15.537.973.496	9.387.744.069
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		993.485.205.027	860.615.372.167

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		843.460.967.034	730.251.118.991
310	I. Nợ ngắn hạn		842.055.076.034	726.341.227.991
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	429.609.285.291	374.897.878.294
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	228.239.356.710	108.840.043.840
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	5.060.846.228	3.954.842.050
314	4. Phải trả người lao động		4.916.093.960	3.942.661.432
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	28.810.885.614	2.776.531.980
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		1.940.594.975	1.904.833.743
320	7. Vay ngắn hạn	17.1	143.478.013.256	230.024.436.652
330	II. Nợ dài hạn		1.405.891.000	3.909.891.000
338	1. Vay dài hạn	17.2	1.405.891.000	3.909.891.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		150.024.237.993	130.364.253.176
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	150.024.237.993	130.364.253.176
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		96.796.860.000	87.998.820.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		96.796.860.000	87.998.820.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14.612.324.709	14.612.324.709
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.920.852.173	11.920.852.173
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.694.201.111	15.832.256.294
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.574.275.294	51.793.521
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		24.119.925.817	15.780.462.773
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		993.485.205.027	860.615.372.167



Lê Thị Linh
Người lập



Mai Phương Anh
Kế toán trưởng



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Hoàng Hoa Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.1	1.647.088.311.259	1.283.333.244.544
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	19.1	1.647.088.311.259	1.283.333.244.544
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	20	(1.549.337.397.359)	(1.222.011.081.361)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		97.750.913.900	61.322.163.183
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	1.709.197.575	12.168.238.440
22	7. Chi phí tài chính	21	(13.721.886.053)	(17.576.130.201)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(13.044.565.401)	(17.328.952.722)
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(56.785.656.323)	(38.106.440.484)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		28.952.569.099	17.807.830.938
31	11. Thu nhập khác		1.296.230.825	2.271.701.346
32	12. Chi phí khác		(79.114.122)	(344.227.450)
40	13. Lợi nhuận khác		1.217.116.703	1.927.473.896
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.169.685.802	19.735.304.834
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(6.049.759.985)	(3.954.842.061)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		24.119.925.817	15.780.462.773

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025



Lê Thị Linh
Người lập



Mai Phương Anh
Kế toán trưởng



Hoàng Hoa Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.169.685.802	19.735.304.834
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		2.307.832.285	2.232.789.259
03	Dự phòng trích lập trong năm		46.746.762.513	9.141.437.882
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.625.608.944)	(522.401.721)
06	Chi phí lãi vay	21	13.044.565.401	17.328.952.722
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		90.643.237.057	47.916.082.976
09	Giảm các khoản phải thu		72.170.227.649	29.340.888.308
10	Tăng hàng tồn kho		(222.945.692.659)	(65.200.061.115)
11	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		185.267.682.885	162.152.787.813
12	Tăng chi phí trả trước		(6.212.211.510)	(8.005.944.860)
14	Tiền lãi vay đã trả		(13.099.914.355)	(17.380.999.245)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.121.559.317)	(2.476.137.882)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(60.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		100.641.769.750	146.346.615.995
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(2.648.911.276)	(1.341.102.054)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	190.909.091
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.000.000.000)	(9.090.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.631.563.904	499.392.213
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(6.017.347.372)	(9.740.800.750)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		371.394.675.970	506.002.737.280
34	Tiền trả nợ gốc vay		(460.445.099.366)	(539.086.148.983)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(4.438.826.875)	(8.723.701.105)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(93.489.250.271)	(41.807.112.808)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		1.135.172.107	94.798.702.437
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		125.323.875.507	30.525.173.070
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	126.459.047.614	125.323.875.507

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025



Lê Thị Linh
Người lập



Mai Phương Anh
Kế toán trưởng



Hoàng Hoa Cương
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons ("Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng số 6, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam, được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 890/QĐ-BXD được ban hành bởi Bộ Xây dựng ngày 30 tháng 6 năm 2000. Công ty nay là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và theo Giấy Chứng Nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100105503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2000 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 được cấp ngày 23 tháng 8 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 28 tháng 1 năm 2008 theo Quyết định số 23/QĐ-TTGDHN ngày 18 tháng 1 năm 2008 về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VC6.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; và
- ▶ Đầu tư, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 5, tòa nhà 29T2, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có một văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 0100105503-002 được cấp ngày 9 tháng 10 năm 2019 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 369 (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 304).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 công ty con (31 tháng 12 năm 2023: có 1 công ty con). Thông tin chi tiết về công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong công ty con này như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Công ty		Quyền biểu quyết của Công ty	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Visiland	Tầng 5, tòa nhà 29T2, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Xây dựng phát triển nhà, đầu tư kinh doanh bất động sản	65%	65%	65%	65%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 27 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các hợp đồng xây lắp - bao gồm giá vốn nguyên liệu vật liệu, nhân công, chi phí cho thầu phụ, chi phí chung được phân bổ theo tiêu thức hợp lý và các chi phí có liên quan của các công trình xây lắp chưa được chủ đầu tư nghiệm thu xác nhận khối lượng tại ngày lập báo cáo tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Dự phòng cho hợp đồng có rủi ro lớn

Dự phòng cho hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận cho các hợp đồng trong đó có những chi phí không thể tránh được và buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt quá lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó. Các chi phí bắt buộc phải trả theo điều khoản của hợp đồng phản ánh chi phí thấp nhất nếu từ bỏ hợp đồng. Mức chi phí đó sẽ thấp hơn mức chi phí để thực hiện hợp đồng, kể cả các khoản bồi thường hoặc đền bù phát sinh do việc không thực hiện được hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	4 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Nhãn hiệu	5 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng cho thuê	50 năm
Quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng nắm giữ chờ tăng giá	không khấu hao

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 *Các khoản dự phòng*

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản dự phòng (tiếp theo)

Dự phòng chi phí bảo hành

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng là dự phòng chi phí cho những công trình xây dựng đã bàn giao cho người mua nhưng còn trong thời hạn bảo hành và Công ty vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc theo cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng bảo hành công trình xây dựng được thực hiện cho từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành, bàn giao trong năm. Khoản dự phòng phải trả về chi phí dự phòng bảo hành công trình xây dựng được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung. Trường hợp số dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp đã lập lớn hơn chi phí thực tế phát sinh thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi vào thu nhập khác.

Khoản dự phòng bảo hành được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các công trình xây dựng tương tự.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh trong đó chi phí phát hành cổ phiếu là các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng về thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.18 *Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và hợp đồng xây dựng được thanh toán theo giá trị khối lượng đã thực hiện thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được khách hàng xác nhận trong năm thông qua các bảng tổng hợp khối lượng và giá trị công việc hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh riêng) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xây dựng. Đồng thời, hoạt động liên quan đến dịch vụ cho thuê văn phòng và máy móc thiết bị chiếm tỷ trọng doanh thu rất nhỏ như trình bày tại Thuyết minh số 19.1. Toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.376.094.060	2.126.661.094
Tiền gửi ngân hàng	95.082.953.554	103.197.214.413
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	20.000.000.000
TỔNG CỘNG	126.459.047.614	125.323.875.507

(*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng bằng VND tại ngân hàng và hưởng lãi suất 1,9%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2,4%/năm). Toàn bộ số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn kể trên đang dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	20.090.000.000	20.090.000.000	15.090.000.000	15.090.000.000
TỔNG CỘNG	20.090.000.000	20.090.000.000	15.090.000.000	15.090.000.000

(*) Số dư tại 31 tháng 12 năm 2024 là các khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng, với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 2,9%/năm đến 5,2%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 4,5%/năm đến 6,2%/năm). Toàn bộ số dư tiền gửi có kỳ hạn kể trên đang dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn cầu	45.477.331.008	19.165.307.666
Công ty TNHH Công nghệ AMTRAN Việt Nam	29.574.513.957	-
Công ty TNHH QHM Computer	26.168.325.880	6.911.320.000
Công ty TNHH Trend Power Technology Việt Nam	22.750.000.000	22.750.000.000
Công ty TNHH Maeda Việt Nam	20.610.699.553	7.119.241.449
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh Hà Nội	20.555.247.933	591.397.488
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh Thành phố Hồ Chí Minh	12.589.613.875	12.796.017.139
Các khoản phải thu khách hàng khác	35.742.526.711	190.213.261.173
TỔNG CỘNG	213.468.258.917	259.546.544.915
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(11.667.828.912)	(9.923.696.224)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	<i>192.857.559.364</i>	<i>252.427.303.466</i>
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>20.610.699.553</i>	<i>7.119.241.449</i>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, quyền đòi nợ từ một số khoản phải thu được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng vốn thi công cho các tổ đội phụ trách công trình: (*)	52.616.801.298	58.641.799.735
- Khu nhà ở bán cho cán bộ Bộ Công An	9.391.001.038	9.391.001.038
- Hạ tầng vào khu quy hoạch Đại học Huế	5.359.144.156	5.569.834.089
- Các công trình khác	37.866.656.104	43.680.964.608
Các nhà cung cấp khác	43.156.680.618	70.213.650.275
TỔNG CỘNG	95.773.481.916	128.855.450.010
Dự phòng trả trước người bán ngắn hạn khó đòi	(23.022.116.224)	-

(*) Bao gồm 27.969.819.469 VND là các khoản ứng vốn theo các hợp đồng vay vốn thi công theo mô hình giao khoán với các tổ đội của Công ty, với lãi suất tham chiếu theo lãi vay ngân hàng và thời hạn tùy theo tiến độ công trình.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	14.684.700.000	5.394.900.000
Đặt cọc bảo lãnh dự thầu	1.700.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	814.800.000	814.800.000
Phải thu lãi chậm trả từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	4.829.294.359
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.166.796.697	1.519.144.570
TỔNG CỘNG	18.366.296.697	12.558.138.929

(*) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 2312/HĐHTĐT/DSG-VC6 ký ngày 23 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng DSG ("DSG"), Công ty đã góp 14,68 tỷ VND tương đương 60% giá trị cam kết để được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hình thành trong tương lai của diện tích 4.994,9 m2 đất xướng sản xuất làng nghề và tiểu thủ công nghiệp thuộc Cụm Công nghiệp Làng nghề Ngọc Mỹ - Thạch Thán, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, dự án đang trong giai đoạn triển khai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. NỢ XẤU

Chi tiết các khoản phải thu quá hạn thu hồi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ đội thi công Công ty Cổ phần Phát triển nhà Daichi	23.022.116.224	-	-	-
Công ty TNHH Thế hệ trẻ	8.256.777.122	-	8.356.777.122	-
Đối tượng khác	823.872.400	-	-	-
	2.587.179.390	-	1.566.919.102	-
TỔNG CỘNG	34.689.945.136	-	9.923.696.224	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của hoạt động xây lắp					
Nhà xưởng Senao	96.703.016.031	-	943.747.630	-	
Công trình Simplo	86.122.026.048	-	-	-	
Công trình Palm Manor	62.301.878.445	-	30.617.329.235	-	
Công trình Global Lighting	34.992.878.498	-	-	-	
Công trình Makino Hưng Yên	31.055.996.616	-	-	-	
Nhà xưởng Taipu	28.144.500.000	-	9.337.041.662	-	
Công trình Yokorei Long An	20.707.205.391	-	8.472.947.384	-	
Công trình Quanta Nam Định	20.112.709.794	-	69.367.531.753	-	
Công trình Coretronic Vũng Tàu	16.531.200.002	-	1.077.732.384	-	
Các công trình khác	26.252.133.314	(5.358.703.903)	80.161.521.432	-	
TỔNG CỘNG	422.923.544.139	(5.358.703.903)	199.977.851.480	-	

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	5.358.703.903	-
Số cuối năm	5.358.703.903	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	39.400.468.670	17.048.995.722	5.260.777.280	3.555.883.662	65.266.125.334
- Mua trong năm	-	1.619.685.185	1.029.226.091	-	2.648.911.276
- Hủy tài sản	-	-	-	(81.818.182)	(81.818.182)
Số cuối năm	39.400.468.670	18.668.680.907	6.290.003.371	3.474.065.480	67.833.218.428
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	36.198.023	3.681.103.852	2.368.297.044	3.405.683.662	9.491.282.581
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	10.321.341.697	9.303.503.939	3.561.194.098	3.468.570.814	26.654.610.548
- Khấu hao trong năm	875.832.474	922.347.405	332.132.444	42.640.374	2.172.952.697
- Hủy tài sản	-	-	-	(81.818.182)	(81.818.182)
Số cuối năm	11.197.174.171	10.225.851.344	3.893.326.542	3.429.393.006	28.745.745.063
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	29.079.126.973	7.745.491.783	1.699.583.182	87.312.848	38.611.514.786
Số cuối năm	28.203.294.499	8.442.829.563	2.396.676.829	44.672.474	39.087.473.365
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp	25.764.393.419	6.262.444.444	2.006.374.648	-	34.033.212.511

Một số tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bất động sản đầu tư cho thuê	7.561.928.144	7.696.807.732
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	10.920.817.088	10.706.683.419
TỔNG CỘNG	18.482.745.232	18.403.491.151

Công ty không trình bày giá trị hợp lý cho các bất động sản đầu tư này do chưa thu thập đủ thông tin đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý.

11.1 Bất động sản đầu tư cho thuê

	Đơn vị tính: VND
	Quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	9.634.256.259
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	1.937.448.527
- Khấu hao trong năm	134.879.588
Số cuối năm	2.072.328.115
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	7.696.807.732
Số cuối năm	7.561.928.144
Trong đó:	
Tài sản sử dụng để thế chấp	7.561.928.144

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm quyền sử dụng đất và sở hữu cơ sở hạ tầng trên đất tại tầng 1 và tầng 2 của khu nhà tại H10 Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, bất động sản đầu tư này được cho thuê và trích khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản. Bất động sản này đang được thế chấp cho các hợp đồng vay như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

11.2 Bất động sản nắm giữ chờ tăng giá

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, bất động sản nắm giữ chờ tăng giá bao gồm quyền sử dụng đất và sở hữu 2 căn hộ tại Dự án nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại tại ô đất I.A.23 thuộc khu Đô thị Nam Thăng Long (giai đoạn II), phường Đông Ngạc, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các bất động sản này đang được Công ty nắm giữ chờ tăng giá và không trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc (VND)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc (VND)
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Visiland	65%	19.500.000.000	65%	19.500.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam	14%	1.400.000.000	14%	1.400.000.000
TỔNG CỘNG		20.900.000.000		20.900.000.000

Công ty không trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do chưa thu thập đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng (*)	14.806.482.402	8.921.257.214
Thiết bị văn phòng giá trị nhỏ	731.491.094	466.486.855
TỔNG CỘNG	15.537.973.496	9.387.744.069

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, một số công cụ thi công xây dựng được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Quang Hà	26.414.141.079	68.680.255.253
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Sigma	31.598.182.742	23.692.142.056
Công ty TNHH Kinh doanh Thép và Vật tư Bình Minh	12.241.737.351	22.186.892.326
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thép Bình Minh	50.449.845.263	15.918.523.855
Các nhà cung cấp khác	308.905.378.856	244.420.064.804
TỔNG CỘNG	429.609.285.291	374.897.878.294
Trong đó:		
Phải trả nhà cung cấp khác	429.438.424.647	374.897.878.294
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 25)	170.860.644	-

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Senao Networks Việt Nam	44.494.140.000	-
Công ty TNHH Simplo Technology Việt Nam	43.500.000.000	-
Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng của Đảng ở Trung Ương	34.518.000.000	21.887.401.814
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn cầu	29.017.779.847	33.565.153.548
Công ty TNHH Makino Việt Nam	24.470.000.000	-
Công ty TNHH Maeda Việt Nam	23.546.250.000	20.765.356.783
Công ty TNHH Công nghệ Argosy Việt Nam	22.772.000.000	-
Các khách hàng khác	5.921.186.863	32.622.131.695
TỔNG CỘNG	228.239.356.710	108.840.043.840
Trong đó:		
Người mua trả trước khác	204.693.106.710	88.074.687.057
Người mua trả trước là bên liên quan (Thuyết minh số 25)	23.546.250.000	20.765.356.783

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.954.842.050	6.049.759.985	(5.121.559.317)	4.883.042.718
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.976.860.652	(1.900.002.742)	76.857.910
Các loại thuế khác	-	761.062.301	(660.116.701)	100.945.600
TỔNG CỘNG	3.954.842.050	8.787.682.938	(7.681.678.760)	5.060.846.228

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các hạng mục xây dựng đã thực hiện, chờ nhà cung cấp xuất hóa đơn	11.666.686.071	1.521.472.529
Dự phòng bảo hành	16.948.467.464	1.003.978.418
Chi phí lãi vay	195.732.079	251.081.033
TỔNG CỘNG	28.810.885.614	2.776.531.980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1) Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	227.520.436.652	227.520.436.652	371.394.675.970	(457.941.099.366)	140.974.013.256	140.974.013.256	
	2.504.000.000	2.504.000.000	2.504.000.000	(2.504.000.000)	2.504.000.000	2.504.000.000	
	230.024.436.652	230.024.436.652	373.898.675.970	(460.445.099.366)	143.478.013.256	143.478.013.256	
Vay dài hạn Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	3.909.891.000	3.909.891.000	-	(2.504.000.000)	1.405.891.000	1.405.891.000	
	3.909.891.000	3.909.891.000	-	(2.504.000.000)	1.405.891.000	1.405.891.000	
	233.934.327.652	233.934.327.652	373.898.675.970	(462.949.099.366)	144.883.904.256	144.883.904.256	
TỔNG CỘNG							

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông	92.990.489.690	Gốc vay đáo hạn từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2025. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,80% - 8,50%	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tầng 1 của khu nhà tại H10 Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tầng 5 tại tòa nhà 29T2, lô đất N05 khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/178582/HĐBĐ. Tài sản cố định hữu hình theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/178582/HĐBĐ. Các hợp đồng tiền gửi ký giữa ngân hàng và Công ty.
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	47.983.523.566	Gốc vay đáo hạn vào tháng 6 năm 2025. Lãi vay được trả hàng tháng.	7,38% - 7,54%	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tầng 2 của khu nhà tại H10 Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội và các quyền đòi nợ hình thành từ các Hợp đồng số GLT-VSC/HĐXD/2024/01 và MAV-VSC-20240801 giữa ngân hàng và Công ty.

TỔNG CỘNG

140.974.013.256

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông	3.909.891.000	Gốc vay đáo hạn lần cuối cùng vào ngày 25 tháng 9 năm 2026. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng và thời gian thanh toán gần nhất vào ngày 25 tháng 9 năm 2025.	9,50%	Công cụ thi công xây dựng, có giá trị là 10.775.364.094 VND theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/178582/2023/HĐBĐ tại ngày 22 tháng 8 năm 2023 ký giữa ngân hàng và Công ty.

TỔNG CỘNG

3.909.891.000

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả 2.504.000.000
- Vay dài hạn 1.405.891.000

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

					Đơn vị tính: VND	
					Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	87.998.820.000	14.612.324.709	11.920.852.173	8.911.675.521	123.443.672.403	
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	15.780.462.773	15.780.462.773	
- Chia cổ tức	-	-	-	(8.799.882.000)	(8.799.882.000)	
- Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(60.000.000)	(60.000.000)	
Số cuối năm	87.998.820.000	14.612.324.709	11.920.852.173	15.832.256.294	130.364.253.176	
Năm nay						
Số đầu năm	87.998.820.000	14.612.324.709	11.920.852.173	15.832.256.294	130.364.253.176	
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	24.119.925.817	24.119.925.817	
- Chia cổ tức (*)	8.798.040.000	-	-	(13.197.981.000)	(4.399.941.000)	
- Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (*)	-	-	-	(60.000.000)	(60.000.000)	
Số cuối năm	96.796.860.000	14.612.324.709	11.920.852.173	26.694.201.111	150.024.237.993	

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2024 và theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 20 NQ/VC6-HĐQT ngày 1 tháng 7 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 5%/cổ phiếu (500 VND/cổ phiếu) và chi trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%/cổ phiếu (1 cổ phiếu/10 cổ phiếu hiện hữu) và trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát là 60.000.000 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	87.998.820.000	87.998.820.000
Vốn góp tăng trong năm	8.798.040.000	-
Số cuối năm	96.796.860.000	87.998.820.000
Cổ tức đã công bố	13.197.981.000	8.722.306.030

18.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	13.197.981.000	8.722.306.030
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức trả bằng cổ phiếu trong năm 2024: 1 cổ phiếu/10 cổ phiếu hiện hữu	8.798.040.000	-
Cổ tức trả bằng tiền trong năm 2024: 500 VND/cổ phiếu	4.399.941.000	-
Cổ tức trả bằng tiền trong năm 2023: 1.000 VND/cổ phiếu	-	8.722.306.030
Cổ tức đã công bố và chưa trả trong năm	197.302.325	77.575.970
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức trả bằng tiền trong năm 2024: 500 VND/cổ phiếu	197.302.325	-
Cổ tức trả bằng tiền trong năm 2023: 1.000 VND/cổ phiếu	-	77.575.970

18.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.679.686	8.799.882
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.679.686	8.799.882
Cổ phiếu phổ thông	9.679.686	8.799.882
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.679.686	8.799.882
Cổ phiếu phổ thông	9.679.686	8.799.882

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.647.088.311.259	1.283.333.244.544
Trong đó:		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.646.063.736.259	1.282.274.460.769
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê văn phòng và máy móc thiết bị	1.024.575.000	1.058.783.775
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	1.647.088.311.259	1.283.333.244.544
Trong đó:		
Doanh thu với bên khác	1.495.303.832.174	1.229.141.592.884
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 25)	151.784.479.085	54.191.651.660

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm và tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu được ghi nhận trong năm của hợp đồng xây dựng đang thực hiện	1.431.103.632.524	1.076.739.168.434
Doanh thu được ghi nhận trong năm của hợp đồng xây dựng đã hoàn thành	214.960.103.735	205.535.292.335
TỔNG CỘNG	1.646.063.736.259	1.282.274.460.769
Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện tính đến cuối năm	2.332.323.291.660	1.461.009.255.892

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thu từ việc ứng vốn cho các tổ đội thi công	83.588.631	11.836.745.810
Lãi tiền gửi	1.625.608.944	331.492.630
TỔNG CỘNG	1.709.197.575	12.168.238.440

20. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.549.202.517.771	1.221.793.275.610
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng và máy móc thiết bị	134.879.588	217.805.751
TỔNG CỘNG	1.549.337.397.359	1.222.011.081.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	13.044.565.401	17.328.959.722
Dự phòng tổn thất đầu tư	677.320.652	200.000.000
Chi phí khác	-	47.170.479
TỔNG CỘNG	13.721.886.053	17.576.130.201

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	22.020.080.668	20.406.075.997
Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	1.230.501.462	914.325.644
Chi phí khấu hao	1.167.797.543	1.097.438.764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.630.478.288	2.044.071.892
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	24.766.248.912	8.999.069.896
Chi phí khác	3.970.549.450	4.645.458.291
TỔNG CỘNG	56.785.656.323	38.106.440.484

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.253.346.271.266	903.006.337.803
Chi phí nhân công	394.552.485.725	273.974.439.231
Chi phí khấu hao	2.307.832.285	2.232.789.259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.839.174.448	93.045.581.452
Chi phí dự phòng	46.069.441.861	9.923.696.223
Chi phí khác	4.953.540.756	5.028.298.508
TỔNG CỘNG	1.829.068.746.341	1.287.211.142.476

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.049.759.985	3.954.842.061
TỔNG CỘNG	6.049.759.985	3.954.842.061

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.169.685.802	19.735.304.834
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty (thuế suất 20%)	6.033.937.160	3.947.060.967
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Chi phí không được khấu trừ	15.822.825	7.781.094
Chi phí thuế TNDN	6.049.759.985	3.954.842.061

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	(xem chi tiết tại mục Thông tin chung)
Maeda Corporation	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Visiland	Công ty con

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Visiland	Công ty con	Trả gốc vay thông qua kết chuyển khoản đầu tư BCC	-	19.500.000.000
		Lãi vay ngắn hạn	-	48.515.510
		Doanh thu cho Thuê văn phòng	-	72.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Maeda Việt Nam	Bên có liên quan của cổ đông lớn	Nhận ứng trước tiền thi công xây lắp	23.546.250.000	20.756.356.783
		Doanh thu xây lắp	151.784.479.085	54.119.651.660
		Mua dịch vụ	463.448.086	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ mua bán hàng với các bên liên quan được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
---------------	-------------	--------------------	-------------	------------

Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)

Công ty TNHH Maeda Việt Nam	Bên có liên quan của cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ xây lắp	20.610.699.553	7.119.241.449
			20.610.699.553	7.119.241.449

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)

Công ty TNHH Maeda Việt Nam	Bên có liên quan của cổ đông lớn	Mua dịch vụ	170.860.644	-
			170.860.644	-

Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 14.2)

Công ty TNHH Maeda Việt Nam	Bên có liên quan của cổ đông lớn	Nhận ứng trước tiền thi công xây lắp	23.546.250.000	20.765.356.783
			23.546.250.000	20.765.356.783

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập (không bao gồm cổ tức) của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HDQT") và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Trần Văn Khánh	Chủ tịch	871.607.255	825.119.100
Ông Hoàng Hoa Cương	Tổng Giám đốc/ Thành viên HDQT	811.607.266	765.807.752
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên HDQT	694.249.790	648.820.624
Ông Nguyễn Phần Tuấn	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên HDQT	612.179.204	574.462.864
Ông Nguyễn Kiến Trung	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên Ban kiểm soát	577.079.676	346.653.266
Ông Nguyễn Xuân Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	559.108.911	574.462.864
Ông Trần Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	552.179.204	574.173.998
TỔNG CỘNG		4.678.011.306	4.309.500.468

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Ban kiểm soát	96.000.000	96.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam

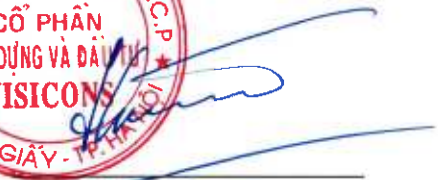
Ngày 27 tháng 3 năm 2025



Lê Thị Linh
Người lập



Mai Phương Anh
Kế toán trưởng



Hoàng Hòa Cường
Tổng Giám đốc